

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ**

Bản án số: 109/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 4 - 2026

V/v “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thành Sơn;

2. Ông Nguyễn Văn Bình.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Trân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14 - Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-HN, ngày 18 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Huỳnh Hồng H**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* **Lê Thị Phụng H1**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn Q, sinh năm 1971 và bà Tống Thị N sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Huỳnh Hồng H (Sau đây gọi anh H) trình bày:

Giữa anh và bị đơn Lê Thị Phụng H1 (Sau đây gọi chị H1) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2015, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm

sống, không có tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm vẫn không đoàn tụ được, nên sống ly thân từ tháng 8 năm 2025. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với chị H1.

- Về con chung: Có ba người con chung:

1. Huỳnh Bảo N1 (Nữ), sinh ngày 02 tháng 5 năm 2015;

2. Huỳnh Bảo T (Nữ), sinh ngày 06 tháng 8 năm 2019;

3. Huỳnh Gia K (N2), sinh ngày 04 tháng 4 năm 2021.

Từ khi ly thân đến nay thì vợ anh đi làm ăn, để các con chung cho ông, bà ngoại nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh H yêu cầu nuôi ba người con chung, chưa yêu cầu vợ anh cấp dưỡng. Khi nào vợ anh về ở lại tại nhà mà có yêu cầu nuôi con thì anh đồng ý nhưng hiện nay các con chung giao cho ông, bà ngoại của các cháu nuôi thì anh không an tâm vì điều kiện cho đi học thì đường xa gặp khó khăn, trong khi hiện tại về sống với anh thì các điều kiện nuôi dưỡng, học hành của các cháu đảm bảo tốt hơn.

Về nợ và tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 3 năm 2026, các cháu Bảo N1, Bảo T trình bày (Có sự chứng kiến của ông Q, bà N là ông bà ngoại của các cháu): Khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu N1 có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu T có nguyện vọng được sống với ngoại.

Cùng biên bản ghi lời khai ngày 18 tháng 3 năm 2026 ông Lê Văn Q và bà Tống Thị N thống nhất trình bày: Từ khi chị H1 đi làm ăn xa thì giao cả ba người con chung của H1 – H cho ông Q và bà N nuôi dưỡng. H có gởi tiền về nuôi các cháu tổng cộng là 9.000.000 đồng. Nay H xin ly hôn thì ông Q và bà N đều không đồng ý giao ba người con chung của H1 – H cho H nuôi. Ông Q và bà N đồng ý nuôi dưỡng hết ba cháu. H1 đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên điện thoại liên lạc về hỏi thăm và qua điện thoại trao đổi thì H1 cũng có yêu cầu nuôi cả ba người con chung mà không yêu cầu cha nó cấp dưỡng nuôi con. Do ông Q bận việc gia đình và bà N phải nuôi ba đứa cháu nên xin vắng mặt khi Tòa xét xử vụ án và cam đoan thông báo cho H1 biết các vấn đề có liên quan cũng như cam đoan thông báo cho H1 biết về thời gian Tòa án xét xử vụ án.

Quá trình tố tụng bị đơn Lê Thị Phụng H1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho

nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn chưa phải cấp dưỡng. Về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Ly hôn và Tranh chấp về nuôi con được qui định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Lê Thị Phụng H1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Ông Lê Văn Q và bà Tống Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh H qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2015, đến ngày 16 tháng 4 năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang cũ. Nay là xã C, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H: Anh và chị H1 trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã chọn cách sống ly thân; xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tạo điều kiện để hòa giải đoàn tụ nhưng chị H1 vắng mặt và cũng không có ý kiến gì về đời sống hôn nhân với anh H, điều đó chứng minh chị H1 cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân hiện tại. Trong khi tại phiên tòa, anh H xác định là không còn tình cảm vợ chồng với chị H1 và cương quyết xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[5] Về con chung: Có ba người con chung, hiện tại chị H1 đi làm ăn xa, không trực tiếp nuôi con mà giao các người con chung cho ông Lê Văn Q và bà Tống Thị N (Ông, bà ngoại của các cháu) nuôi là thiếu thốn tình cảm của cha hoặc mẹ của các cháu. Mặc dù các cháu đủ 7 tuổi có nguyện vọng được sống với mẹ và ông bà ngoại là ông Q, bà N, cháu còn lại chưa đủ 7 tuổi. Ông Q, bà N cũng có yêu

cầu nuôi các cháu, ông Q bà N xác định chị H1 cũng có yêu cầu nuôi cả ba người con chung nhưng chị H1 lại không có mặt tại địa phương và không trực tiếp nuôi mà giao cho ông Q, bà N nuôi. Trong khi anh H là cha của các cháu cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cả ba người con, cũng không có căn cứ nào chứng minh là anh H không đủ điều kiện nuôi con, xét yêu cầu nuôi cả ba người con của anh H là chính đáng, đảm bảo được tình cảm của cha hoặc mẹ trực tiếp dành cho con khi cha, mẹ ly hôn và đảm bảo đúng quy định pháp luật nên có căn cứ giao cả ba người con chung cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị H1, anh H có yêu cầu khác.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị H1 mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh H chưa yêu cầu chị H1 cấp dưỡng, về nợ và tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban T1 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa giữa Huỳnh Hồng H và Lê Thị Phụng H1.
2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Huỳnh Bảo N1 (Nữ), sinh ngày 02 tháng 5 năm 2015; cháu Huỳnh Bảo T (Nữ), sinh ngày 06 tháng 8 năm 2019 và cháu Huỳnh Gia K (N3), sinh ngày 04 tháng 4 năm 2021 cho Huỳnh Hồng H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị H1, anh H có yêu cầu khác.

Lê Thị Phụng H1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Lê Thị Phụng H1 mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Huỳnh Hồng H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012807, ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố C thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14;
- UBND xã Châu Thành, tp Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Liêm